

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 5 – 2021

V/v *tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Sinh

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 729/27 đường A, khu phố X, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Trần D, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 898 đường A, Khu phố Y, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng L trình bày: Bà và ông Trần D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/9/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở khu phố Y, phường Đ, thành phố P. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1997 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D đam mê đánh bạc, cá độ, tiền bạc không rõ ràng. Bà đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì ông D đến xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên bà đã đồng ý trở về sống chung với ông D. Sau khi trở về sống chung, ông D vẫn không thay đổi tính tình và bà phải cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng sống vì các con. Năm 1999 mẹ chồng có cho lô đất cạnh nhà và vợ chồng bà đã mượn tiền của mẹ ruột bà để xây dựng căn nhà cấp 4. Bà cứ nghĩ sau khi xây dựng nhà xong thì ông D tu chí làm ăn nhưng ông D vẫn cứ nhậu nhẹt, cờ bạc, số đề, cá độ đá bóng, thiếu trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau to tiếng. Từ đầu năm 2019 đến nay, bà đã chuyển về nhà chị gái ở phường B, thành phố P sinh sống và hiện đang làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh để nuôi con ăn học. Thời gian đầu, ông D thường xuyên gọi điện chửi bới bà, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Đến nay, giữa bà và ông D đã không còn liên lạc. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông D, nếu có quay về sống chung cũng không hạnh phúc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Hồng L1, sinh năm 1997 và Trần Huỳnh Ngọc T, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được.

Tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần D, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng ông D từ chối tham gia tố tụng, nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai ghi nhận ý kiến của ông D đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần D.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Đ, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Trần D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do; Điều này chứng tỏ ông D đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hồng L và ông Trần D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 07/9/1996 tại, đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L trình bày quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không rõ ràng về vấn đề tiền bạc; bản thân ông D ham mê nhậu nhẹt, cờ bạc, số đề, cá độ đá bóng, thiếu trách nhiệm với gia đình, bà đã tha thứ và quay trở về sống chung nhưng ông D vẫn không thay đổi. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn của ông D bà L phù hợp với Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của Ban chấp hành Hội phụ nữ phường Đ do nguyên đơn cung cấp.

Ông D biết bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông D không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà L và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy bà L xin được ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Hồng L1, sinh năm 1997 và Trần Huỳnh Ngọc T, sinh năm 2000, hiện các con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng L. Bà Huỳnh Thị Hồng L được ly hôn với ông Trần D.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Huỳnh Thị Hồng L đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0023125 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Huỳnh Thị Hồng L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND TP. PR-TC;
 - Chi cục THADS TP. PR-TC;
 - TAND tỉnh Ninh Thuận;
 - VKSND tỉnh Ninh Thuận;
 - UBND phường Đ
- (Giấy CNKH số 68, quyển số 01, ngày 07/9/1996);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Nguyễn Thanh Thảo

